

Bản án số: 180/2024/HS-ST

Ngày 05 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chi;

Bà Nguyễn Hà Quế Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Mai Thời Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 169/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 204/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2024; đối với các bị cáo:

1. **Bùi Văn Q**, sinh năm 1994 tại Đồng Tháp; Căn cước công dân số: 08709400799X; nơi đăng ký thường trú: **Ấp B, xã B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp**; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Bùi Văn L** và bà **Nguyễn Thị C**; tiền sự: Không;

Tiền án:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2013/HS-ST ngày 18-4-2013, bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong bản án ngày 26/5/2014.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2016/HS-ST ngày 28/4/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong án phạt tù ngày 21/5/2017;

- Tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 70/2019/HS-PT ngày 05-3-2019, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong án phạt tù ngày 26/8/2022.

Nhân thân:

- Tại Quyết định số: 19/QĐ-XLHC-TGD ngày 08/7/2010, bị Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp quyết định áp dụng xử lý vi phạm hành chính bằng biện pháp đưa vào Trường G1, thời hạn 24 tháng; ngày 01/5/2012, chấp hành xong.

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 348/QĐ-XPHC ngày 14/5/2024, bị Trưởng Công an huyện T xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2024; hiện nay, đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh Đ; có mặt tại phiên tòa.

2. **Võ Minh T**, sinh năm 2003 tại Trà Vinh; Căn cước công dân số: 08420300411X; nơi đăng ký thường trú: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Võ Văn V** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị Mộng T1**; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 184/2024/HS-ST ngày 26-6-2024, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Quyết định thi hành án phạt tù số: 286/2024/QĐ-CA ngày 31-7-2024 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom); bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2024; hiện nay, đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh Đ; có mặt tại phiên tòa.

3. **Danh Vũ T2**, sinh năm 2000 tại Cà Mau; Căn cước công dân số: 09620000331X; nơi đăng ký thường trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Khơ me; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Danh T3** và bà **Nguyễn Thị B**; chung sống như vợ chồng với **Điêu Thị T4** và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 349/QĐ-XPHC ngày 14/5/2024, bị Trưởng Công an huyện T xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo bị giữ người trong trường hợp

khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2024; hiện nay, đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh Đ; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Vào ngày 14/01/2024, tại nơi ở của Võ Minh T thuộc ấp L, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Bùi Văn Q (lúc này đang có mặt tại nhà T) được 01 người đàn ông tên G (không rõ lai lịch) nhờ cất giấu 01 khẩu súng (dạng súng rulô) có tay cầm bằng nhựa màu vàng đồng, thân súng và đầu súng bằng kim loại, có các ký tự “ZP5” “SMITH & WESSON”, hộp tiếp đạn dạng ổ xoay (có 06 lỗ chứa đạn) thì Q đồng ý. Bùi Văn Q bỏ khẩu súng vào túi xách màu đen rồi đưa lên gác trong phòng trọ của Võ Minh T cất giấu.

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 15/01/2024, Bùi Văn Q lấy túi xách màu đen bên trong chứa khẩu súng, điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave, màu xanh đen (không rõ biển số) để G chở Q và T đến nhà bà Nguyễn Thị N (sinh năm 1960 là mẹ nuôi của Q, cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai), để ăn cơm. Tại đây, Q lấy khẩu súng ra đưa cho T xem và nhờ T mang khẩu súng đi cất giấu. T đồng ý và mượn xe mô tô hiệu Honda Wave S, màu xanh đen biển số 83B2-083.81 của anh Nguyễn Huỳnh Quốc T5, sinh năm 2004 (cư trú tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; anh T5 không biết T sử dụng xe đi cất giấu vũ khí) rồi cầm túi xách bên trong chứa khẩu súng đi đến phòng trọ của Danh Vũ T2 (ấp L, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai), để nhờ T2 cất giấu khẩu súng, T2 đồng ý và cất khẩu súng vào trong túi màu xanh đen có kích thước 24x36cm, rồi giấu trên kệ bồn nước màu xanh sát bên cạnh phòng trọ của T2.

Khoảng 23 giờ 10 phút cùng ngày, Công an xã H 3, huyện T kiểm tra hành chính tại khu vực nhà trọ do Võ Minh T thuê có các đối tượng: Võ Minh T, Nguyễn Huỳnh Quốc T5, Bùi Văn Q và Phương Chí P có dấu hiệu sử dụng trái phép chất ma túy; thu giữ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy ở góc tường trên gác và 01 điện thoại di động hiệu Sam sung J7 của Bùi Văn Q. T và Q còn khai nhận nhờ T2 cất giấu khẩu súng, nên Công an xã H 3, huyện T tiến hành kiểm tra hành chính phòng trọ của T2 và thu giữ khẩu súng.

2. Giám định:

Tại Kết luận giám định số: 934/KL-KTHS ngày 23/01/2024 của Phân viện Khoa học hình sự - **Bộ C1** tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Khẩu súng (dạng súng rulô) có tay cầm bằng nhựa màu vàng đồng, thân súng và đầu súng bằng kim loại, có các ký tự “ZP5” “SMITH & WESSON”, hộp tiếp đạn dạng ổ xoay (có 06 lỗ chứa đạn) gửi đến giám định là vũ khí chế tạo thủ công để bắn với loại đạn thể thao cỡ (5,6x15,5)mm. Khẩu súng nêu trên có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng, thuộc nhóm vũ khí quân dụng, không phải là súng săn, vũ khí thô sơ; vũ khí thể thao hay công cụ hỗ trợ.

3. Cáo trạng và trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Cáo trạng số: 150/CT-VKS-P1 ngày 04/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, đã quyết định truy tố như sau:

- **Bùi Văn Q** về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”, theo điểm h khoản 2 Điều 304 Bộ luật Hình sự;
- **Võ Minh T** về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”, theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự;
- **Danh Vũ T2** về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Tuyên bố các bị cáo phạm tội như cáo trạng đã truy tố.
- Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo **Bùi Văn Q** từ 06 đến 08 năm tù.
- Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo **Võ Minh T** từ 02 đến 03 năm tù.
- Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo **D** Vũ Trường từ 01 đến 02 năm tù.
- Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp theo quy định.

4. Nội dung khác có liên quan:

Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của **Võ Minh T** và **Nguyễn Huỳnh Quốc T5** đã được xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 184/2024/HS-ST ngày 26-6-2024 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Đối với người đàn ông tên **G** (không rõ lai lịch) đã đưa khẩu súng cho **Q**; hiện nay, chưa xác minh được nhân thân lai lịch, nên Cơ quan An ninh điều tra - **Công an tỉnh Đ** tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau.

5. Trình bày của các bị cáo tại phiên tòa:

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa vẫn giữ nguyên ý kiến và lời khai trong quá trình điều tra và truy tố; đồng thời, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã mô tả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tổ tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ.

[2] Về tội danh bị truy tố:

Tại phiên tòa, các bị cáo **Bùi Văn Q**, **Võ Minh T** và **Danh Vũ T2** khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã mô tả. Trình bày của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận như sau: Ngày 14/01/2024, tại **ấp L, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai**, **Bùi Văn Q** có hành vi tàng trữ trái phép 01 khẩu súng (dạng súng rulô) là vũ khí quân dụng. Đến ngày 15/01/2024, **Bùi Văn Q** mang khẩu súng trên đến **phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** đưa **Võ Minh T** để **T** tiếp tục mang đến phòng trọ của **Danh V thuộc ấp L, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai** nhờ **T2** cất giấu. Sau đó, **Công an xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai** kiểm tra hành chính tại nơi ở **T** phát hiện và thu giữ.

Đủ cơ sở xác định các bị cáo **Bùi Văn Q**, **Võ Minh T** và **D** Vũ Trường phạm tội như kết luận theo Cáo trạng số: 150/CT-VKS-P1 ngày 04/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

[3] Về trách nhiệm hình sự:

3.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

3.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

3.3. Về hình phạt và biện pháp ngăn chặn:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, cần xử phạt hình phạt tù, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo **Bùi Văn Q** và **Danh Vũ T2**, để bảo đảm cho việc thi hành án.

Đối với bị cáo **Võ Minh T**: Khi phát hiện hành vi bị xét xử trong vụ án này, còn có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, đã bị xét xử và đang chấp hành án phạt tù như đã nêu trên (phần lý lịch bị cáo); do đó, cần tổng hợp hình phạt theo quy định.

[4] Vật chứng thu giữ trong vụ án này:

- 01 khẩu súng và túi vải kèm theo, đã được chuyển giao cho **Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đ**, đơn vị này quản lý và xử lý theo quy định.
- 01 điện thoại di động hiệu Sam sung J7 kèm sim, Cơ quan An ninh điều tra - **Công an tỉnh Đ** đã trả lại cho bị cáo **Bùi Văn Q** (bút lục số 260).

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên. Ý kiến của các bị cáo tại phiên tòa được xem xét, quyết định khi quyết định hình phạt.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh:

- Tuyên bố bị cáo **Bùi Văn Q** phạm tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”, theo điểm h khoản 2 Điều 304 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).
- Tuyên bố bị cáo **Võ Minh T** phạm tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”, theo khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo **Danh Vũ T2** phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, theo khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

2. Hình phạt và biện pháp ngăn chặn:

2.1. Bị cáo **Bùi Văn Q**:

Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Bùi Văn Q** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16-01-2024.

2.2. Bị cáo **Võ Minh T**:

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 56 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Võ Minh T** 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”; tổng hợp với hình phạt 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 184/2024/HS-ST ngày 26-6-2024 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; buộc bị cáo **Võ Minh T** phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16-01-2024.

2.3. Bị cáo **Danh Vũ T2**:

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **D** Vũ Trường 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16-01-2024.

2.4. Biện pháp ngăn chặn:

Căn cứ khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tiếp tục tạm giam các bị cáo **Bùi Văn Q** và **D** Vũ Trường theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử, để bảo đảm thi hành án.

3. Về vật chứng:

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tịch thu và giao **Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đ** quản lý và xử lý đối với: 01 khẩu súng dạng rulô tay cầm bằng nhựa màu vàng đồng, thân súng và đầu súng bằng kim loại, ổ quay màu đen, có các ký tự “SMITH & WESSON”, “ZP5”; 01

túi vải màu xanh đen hình chữ nhật kích thước (24x36)cm. Các vật chứng này, đã được chuyển giao cho **Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đ**, theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 16-7-2024.

4. Án phí:

Buộc các bị cáo **Bùi Văn Q**, **Võ Minh T** và **Danh Vũ T2**, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo **Bùi Văn Q**, **Võ Minh T** và **D** Vũ Trường được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo (3);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an các tỉnh Đồng Nai, Đồng Tháp, Trà Vinh và Cà Mau;
- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án (3);
- Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom (để lưu vào hồ sơ vụ án ma túy nêu trên);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự và VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành

